

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 01 năm 2024

Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Sáu.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Phước Tân, ông Trương Văn Hăng.

**T1 ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - T1 ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 609/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 03/2024/TB-TA, ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp S, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp S, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Văn T do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện An Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 07 tháng 5 năm 2013. Trong thời kỳ hôn nhân, bà A và ông T có hai con chung tên Nguyễn Thị Hoàng V, sinh ngày 04/8/2013 và Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/5/2022. Hiện cháu V và cháu T1 đang sống cùng bà An.

Theo bà A, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình nên bà A đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 06/2023 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A xin được ly hôn. Bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời ngày 13/12/2023 ông Nguyễn Văn T trình bày: Về hôn nhân, ông T thống nhất điều kiện và thời gian đi đến hôn nhân theo lời trình bày của bà A. Quá trình sống chung ông T và bà An sống hạnh phúc đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế gia đình, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cự cãi và đôi lúc ông T có hành vi bạo lực đối với bà A. Bà A bỏ về cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 06/2015 đến nay. Ông T có cũng nhiều lần hàn gắn nhưng gia đình bà An và bà A không đồng ý hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A.

Về con chung: Ông T đồng ý để bà A được trực tiếp nuôi 2 con chung sau ly hôn và xin không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến con chưa thành niên. Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 01/11/2024, cháu Nguyễn Thị Hoàng V có nguyện vọng sống cùng bà An sau khi bà A và ông T ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của của đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà A và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông T. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị giao các cháu Hoàng V và cháu Anh T1 cho bà A trực tiếp nuôi dạy, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thúy A khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T và bà An yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại tổ 9, ấp Sa Tô, xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà A và ông T đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của cả hai bên thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế. Đồng thời ông T có hành vi bạo lực dẫn đến hai người đã ly thân từ tháng 06/2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T cố tình hàn gắn nhưng không thành. Khi biết bà A xin ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà A và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai đều có nguyện vọng ly hôn, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà A và ông T có hai con chung tên Nguyễn Thị Hoàng V, sinh ngày 04/8/2013 và Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/5/2022 đang sống cùng bà An. Ông T đồng ý để hai con chung cho bà A được tiếp tục nuôi dưỡng; cháu Hoàng V có nguyện vọng sống cùng bà An; cháu Anh T1 còn nhỏ. Bà A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con chung sau ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Như vậy, bà A và ông T đã thỏa thuận được việc nuôi con chung sau ly hôn, thỏa thuận này cũng phù hợp nguyện vọng cháu Nguyễn Thị Hoàng V, nghĩ nên công nhận là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo đó, bà An được trực tiếp nuôi dạy hai con chung sau ly hôn.

Công nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T10ng vụ Quốc hội.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy A được trực tiếp nuôi dạy 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Hoàng V, sinh ngày 04/8/2013 và Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 16/5/2022.

Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Nguyễn Thị Thúy A. Ngược lại, bà A và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà An đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0008532 ngày 06/10/2023. (Bà An đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Nguyễn Văn T là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh Bình (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Sáu**

